



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19 tháng 02 năm 2008.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 13/08/2009 theo Quyết định số 467/QĐ - SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn Nhà Xuất bản Giáo dục là 40% vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 15 Nguyễn Chí Thanh - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511.3827374
- Fax: 0511.3889957

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất kinh doanh: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc;
- Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ tài chính là 28 người, trong đó nhân viên quản lý là 06 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Bá Vân | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Hồ Văn Lĩnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Phạm Văn An | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Phạm Thanh Nam | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 18/06/2007 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Phạm Tiến Dũng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 01/10/2008 |
| • Ông Lê Quang Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Trần Công Hội | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Hồ Văn Lĩnh | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Trần Phước Chương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Bà Trần Thị Kim Hương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc Giám đốc

Hồ Văn Lĩnh

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.5113.655.886; Fax: 84.5113.655887
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 5, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.83.910.2235; Fax: 84.83.910.2349

Số: 196/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Phan Xuân Vạn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Ngô Thị Kim Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1100/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.095.420.274	45.235.002.744
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.229.054.964	3.132.152.880
1. Tiền	111		3.216.054.964	1.011.883.876
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.013.000.000	2.120.269.004
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	346.500.000	748.680.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		748.995.000	1.642.117.300
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(402.495.000)	(893.437.300)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.145.035.412	12.650.568.644
1. Phải thu khách hàng	131		10.235.201.848	12.289.238.124
2. Trả trước cho người bán	132		243.449.192	360.818.520
3. Các khoản phải thu khác	135	7	666.384.372	512.000
IV. Hàng tồn kho	140		36.237.855.166	26.494.493.488
1. Hàng tồn kho	141	8	37.809.678.541	27.194.684.686
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.571.823.375)	(700.191.198)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.136.974.732	2.209.107.732
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.846.097.866	1.686.398.325
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	111.364.514
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	290.876.866	411.344.893
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.861.442.884	10.781.334.281
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.061.942.884	5.331.834.281
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	575.164.325	751.608.761
- Nguyên giá	222		985.795.963	973.932.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(410.631.638)	(222.323.566)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	5.486.778.559	4.580.225.520
- Nguyên giá	228		5.486.778.559	4.580.225.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	10.799.500.000	5.449.500.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		10.799.500.000	5.449.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.956.863.158	56.016.337.025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.650.848.591	4.756.896.803
I. Nợ ngắn hạn	310		19.650.848.591	4.756.896.803
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	5.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		8.266.920.993	2.644.070.240
3. Người mua trả tiền trước	313		2.865.179	1.839.780
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.700.674.377	183.836.466
5. Phải trả người lao động	315		647.813.405	526.398.031
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	4.032.574.637	1.400.752.286
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.306.014.567	51.259.440.222
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	50.960.372.985	50.717.605.533
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	17	(152.063.710)	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	973.679.961	537.653.608
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	17	113.064.307	76.307.495
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	25.692.427	103.644.430
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		345.641.582	541.834.689
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		345.641.582	541.834.689
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.956.863.158	56.016.337.025

Giám đốc

Kế toán trưởng

Hồ Văn Linh

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 02-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	75.402.181.960	80.672.055.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	1.584.423.930	1.098.017.413
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	73.817.758.030	79.574.037.647
4. Giá vốn hàng bán	11	19	55.416.907.378	61.718.155.547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.400.850.652	17.855.882.100
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	813.624.244	605.061.829
7. Chi phí tài chính	22	21	181.811.544	1.560.481.062
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		147.117.111	197.055.555
8. Chi phí bán hàng	24		3.659.538.649	2.912.248.487
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.850.026.635	3.916.416.873
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.523.098.068	10.071.797.507
11. Thu nhập khác	31		30.090.340	3.922.727
12. Chi phí khác	32		-	26.445.091
13. Lợi nhuận khác	40		30.090.340	(22.522.364)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.553.188.408	10.049.275.143
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.832.661.353	2.638.919.527
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	22	8.720.527.055	7.410.355.616
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.744	1.563

Giám đốc

Kế toán trưởng

Hồ Văn Lĩnh

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 03-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	77.311.434.216	66.285.362.273
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(69.636.576.883)	(89.859.524.213)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.069.223.873)	(3.354.249.458)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(147.117.111)	(197.055.555)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(377.473.681)	(2.884.021.088)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.755.133.403	18.119.461.569
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.082.017.646)	(10.277.201.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.754.158.425	(22.167.227.803)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(918.416.675)	(4.791.391.884)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(18.719.107.300)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	17.076.990.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.350.000.000)	(5.449.500.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	663.224.044	605.061.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.605.192.631)	(11.277.947.355)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	14.934.457.942
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(152.063.710)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.600.000.000	6.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.600.000.000)	(6.000.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.900.000.000)	(7.185.019.797)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(52.063.710)	7.749.438.145
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.096.902.084	(25.695.737.013)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.132.152.880	28.827.889.893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.229.054.964	3.132.152.880

Giám đốc

Kế toán trưởng

Hồ Văn Linh

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2010